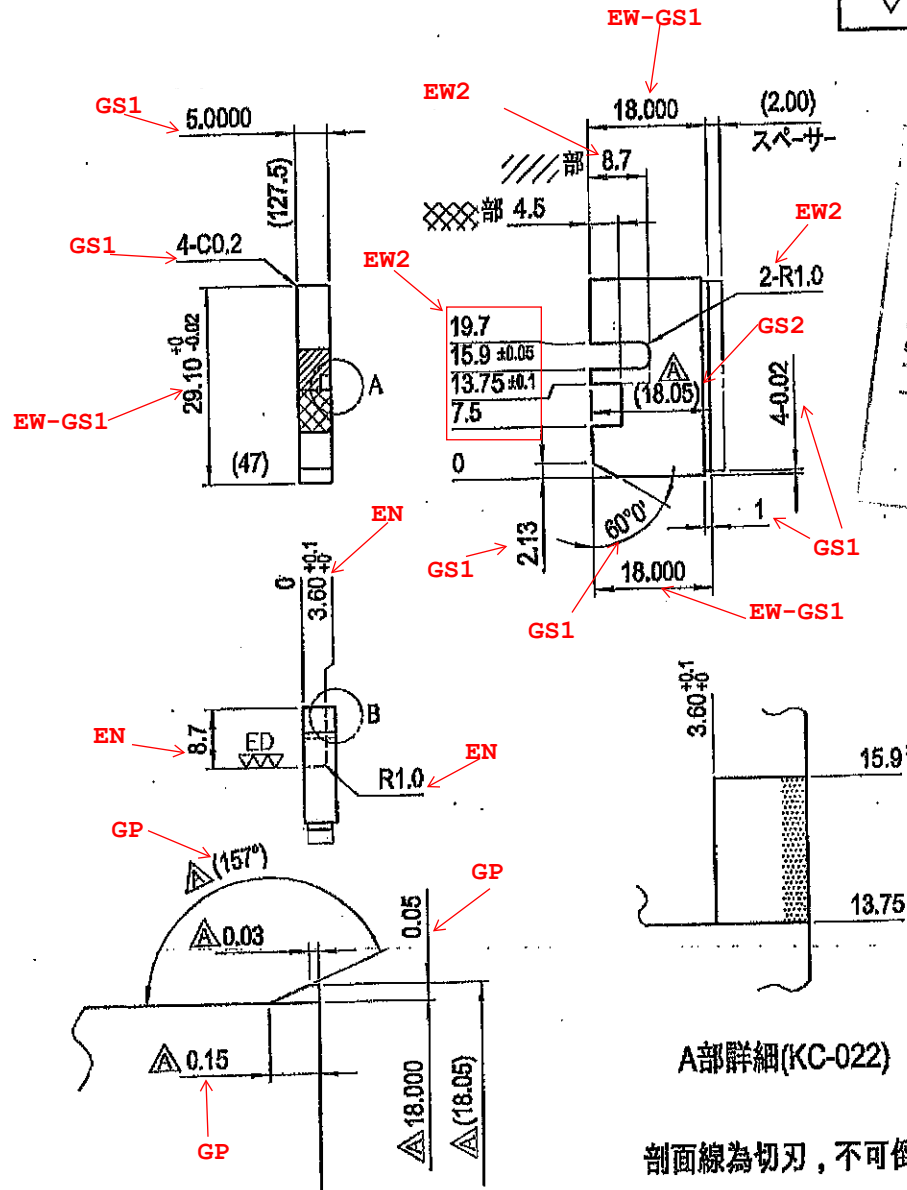


5124

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
Init.						0.0000	± 0.002	0.000	+0 -0.005
△	2010/10/07	後工程バリ対策(S755634→S827067)	T-MNM-10-10-292	Wu_Chin_Wuu	Chang_Fu_Rung	0.000	± 0.005	0.000	+0 -0.005
△						0.00	± 0.01	0.00	+0 -0.01
△						0.0	± 0.1	0.00	+0 -0.01
△						0.	± 0.2	0.0	+0 -0.1
								0.0	+0 -0
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED									
FINISH MARKS									
G (ED)									

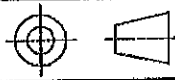


EW1: Ra 0.16 T6*18.5*29.6
 GS1:
 -5.000=>ok
 -18.050=>ok
 -29.10=>ok
 -Dẫn hướng ok
 -60°=>ok
 -4-C0.2=>ok
 GP: 157°=>ok
 GS2: 18.000=>ok

A部詳細(KC-022)

剖面線為切刃，不可倒角(KC-019)

B部詳細(50:1)(KC-022)

DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
Wu_Chin_Wuu	Chang_Fu_Rung	部品図		切断ダイ
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		CUT-OFF DIE
HRC		部品図		切断下模
		部品図		切断下模
				DWG.No.
MATERIAL	DATE	SCALE		S827067
WC(D30/HIP)	2010/10/19	1:1(10/1)		

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

T6+20t 31

SNO: **S827067**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD30 T6*21*32	EW1:30 GS1:90 EW2:40 GP:90 GS2:30 EN:90 KT